

vận động thân nhân cho máu để truyền cho người nhà mình. Trong trường hợp này, người cho máu được hưởng một khoản tiền bồi dưỡng là 250đ/100ml.

3. Những trường hợp sau đây nếu người bệnh được truyền máu phải tự đài thọ toàn bộ số tiền máu đã sử dụng:

a) Những gia đình hoặc cá nhân làm ăn riêng lẻ không có quan hệ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước.

b) Những người do sinh hoạt không lành mạnh mà sinh bệnh hoặc gây tai nạn.

c) Những cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, hợp tác xã... đề xảy ra các trường hợp tai nạn lao động.

4. Đối với các trường hợp tai nạn giao thông, vi phạm pháp luật (trộm cướp, đánh chém nhau...) khi cơ quan pháp luật xác định người vi phạm, gây tai nạn thì người đó chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền máu đã sử dụng để cấp cứu nạn nhân.

5. Số tiền máu thu được nói trên, bệnh viện được khôi phục hạn mức kinh phí để trả tiền bồi dưỡng cho người hiến máu.

Liên Bộ yêu cầu các bệnh viện thực hiện tốt thông tư này, bảo đảm cho người bệnh cần truyền máu được truyền máu.

Thông tư này thay thế thông tư số 29-TT-LB ngày 28-11-1983 của liên Bộ Y tế — Tài chính và thi hành từ ngày 1-5-1985.

**K. T. Bộ trưởng Bộ Tài chính**

*Thứ trưởng*

**NGÔ THIẾT THẠCH**

**K. T. Bộ trưởng Bộ Y tế**

*Thứ trưởng*

**Gs PHẠM SONG**

**TỔNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ** của Tổng công đoàn số 4-TT/TCD ngày 10-5-1985 hướng dẫn thi hành quyết định số 121-HĐBT ngày 19-4-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức Nhà nước.

Thi hành quyết định số 121-HĐBT ngày 19-4-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi bổ sung chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức Nhà nước; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, các ngành liên quan, Tổng công đoàn Việt Nam quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện như sau:

**A. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ NGHỈ ĐẸ.**

**I. THỜI GIAN NGHỈ ĐẸ**

**1. Đối tượng và thời gian nghỉ đẻ mức 180 ngày.**

Đề phù hợp với cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch, khuyến khích công nhân, viên chức thực hiện mục tiêu mỗi gia đình có một hoặc hai con và căn cứ vào khả năng kinh tế hiện nay, theo quyết định số 121-HĐBT, tất cả nữ công nhân, viên chức Nhà nước thuộc đối tượng quy định dưới đây, được nghỉ đẻ thời gian 180 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ):

— Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ nhất.

— Nữ công nhân, viên chức chưa có con, đẻ lần thứ nhất sinh đôi, sinh ba.

— Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ hai.

— Nữ công nhân, viên chức đã có một con, đẻ lần thứ hai sinh đôi, sinh ba.

Ngoài thời gian được nghỉ trước và sau khi đẻ mức 180 ngày, nữ công nhân, viên chức chưa có con, đẻ lần thứ nhất sinh đôi, sinh ba hoặc đã có một con, đẻ lần thứ hai sinh đôi, sinh ba, mỗi con sinh thêm được nghỉ thêm 30 ngày.

Nữ công nhân, viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ thời gian 180 ngày đều phải nghỉ 30 ngày trước khi đẻ. Nếu đẻ sát ngày đẻ mới nghỉ, hoặc do tính không sát, chưa nghỉ đủ 30 ngày trước khi đẻ, thì sau khi đẻ chỉ được nghỉ nhiều nhất là 165 ngày. Trường hợp nghỉ trước ngày đẻ sớm (trên 30 ngày) thì số ngày nghỉ sớm phải trừ vào thời gian nghỉ 150 ngày sau khi đẻ.

## 2. Đối tượng và thời gian nghỉ đẻ mức 90 ngày.

Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ nhất, con thứ hai, nếu sau khi đẻ, con bị chết (kể cả những trường hợp đẻ non) thì được nghỉ trên 90 ngày tính từ ngày đẻ. Nếu con đã trên 90 ngày tuổi, thì sau khi con chết, người mẹ được nghỉ thêm 15 ngày tính từ ngày con chết, nhưng tổng số thời gian nghỉ trước và sau khi đẻ tối đa không vượt quá thời gian 180 ngày đã quy định.

## 3. Đối tượng nghỉ đẻ thời gian 75 ngày.

Nữ công nhân, viên chức đã có hai con, nếu trong quá trình thực hiện mục tiêu kế hoạch hóa gia đình mà bị lỡ kế hoạch, sinh con sau đó được nghỉ đẻ thời gian là 75 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ).

## 4. Trợ cấp trong thời gian nghỉ đẻ.

Nữ công nhân, viên chức trong thời gian được nghỉ trước và sau khi đẻ theo các mức quy định trên, được trợ cấp bảo hiểm xã hội bằng 100% tiền lương chính mới cộng với các khoản phụ cấp,

trợ cấp ổn định thường xuyên đã quy định trong thông tư số 15-TT/TCĐ ngày 20-6-1981 của Tổng công đoàn Việt Nam, quyết định số 8-HĐBT ngày 19-1-1983, quyết định số 59-HĐBT ngày 15-6-1983 và quyết định số 109-HĐBT ngày 13-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

Ngoài ra còn được trợ cấp tiền bồi dưỡng, mua vật dụng và trợ cấp nuôi con nhỏ theo quy định của quyết định số 7-HĐBT ngày 15-1-1983 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư số 21-TCĐ ngày 12-3-1983 của Tổng công đoàn Việt Nam.

## II. CÁCH TÍNH SỐ CON ĐỀ XÉT HƯỞNG CHẾ ĐỘ THAI SẢN

### 1. Nữ công nhân, viên chức lấy chồng đã có con riêng, hoặc tái giá.

— Nữ công nhân, viên chức chưa có con, lấy chồng mà người chồng đã có con riêng, thì khi đẻ con chung thứ nhất được hưởng chế độ theo mức định đối với người sinh con thứ nhất.

Từ con chung thứ hai (nếu có) phải cộng với số con riêng của chồng và con chung thứ nhất để tính thực hiện chế độ.

— Nữ công nhân, viên chức đã có con riêng, lấy chồng (người chồng chưa có hoặc đã có con riêng), khi đẻ thêm con chung phải cộng với số con riêng của vợ và của chồng (nếu có) để tính thực hiện chế độ.

### 2. Nữ công nhân, viên chức đã nuôi con nuôi.

Nữ công nhân, viên chức đã nhận trẻ sơ sinh làm con nuôi, nếu sau quá trình điều trị bệnh mà sinh đẻ thì con mới đẻ được tính hưởng chế độ theo tiêu chuẩn của người sinh con thứ hai.

### 3. Trường hợp có con chết.

Trường hợp công nhân, viên chức có con chết thì số con được tính đẻ xét hưởng

chế độ thai sản chỉ bao gồm những con còn sống tính đến ngày nữ công nhân, viên chức đẻ con mới.

## B. TỒ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính sách bảo hiểm xã hội là một chính sách xã hội mang tính chất độc lập và quan hệ mật thiết, hữu cơ với các chính sách xã hội khác của Đảng và Nhà nước ta đối với người lao động. Đối với chính sách dân số, chế độ bảo hiểm xã hội về thai sản chỉ góp phần phục vụ cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch, và lấy mục tiêu mỗi gia đình có một, hoặc hai con là yếu tố cơ bản, chủ yếu nhất để quy định và thực hiện chế độ thai sản đối với nữ công nhân viên chức.

Vì vậy, tất cả nữ công nhân viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ quy định tại điểm 1, phần A trong thông tư này, vì tuổi tác, sức khỏe hoặc hoàn cảnh gia đình... mà chưa thực hiện được việc đẻ con thứ hai cách con thứ nhất 5 năm, thì vẫn được nghỉ 180 ngày theo quy định của quyết định số 121-HĐBT.

Các cơ quan, xí nghiệp, cơ sở cần tổ chức tốt hơn công tác tuyên truyền vận động công nhân viên chức thực hiện mục tiêu sinh đẻ có kế hoạch và tuyệt đối không được cắt, giảm chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức đã được quy định tại quyết định số 121-HĐBT và những quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện trong thông tư này.

2. Các cơ quan, xí nghiệp quản lý nữ công nhân, viên chức phải có trách nhiệm bố trí, sắp xếp bảo đảm cho nữ công nhân viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ thời gian 180 ngày được nghỉ 30 ngày trước khi đẻ, đồng thời tổ chức theo dõi chặt chẽ, chính xác thời gian nghỉ trước khi đẻ để giải quyết thời gian nghỉ sau khi đẻ đúng quy định.

3. Đối với nữ công nhân, viên chức sau khi đẻ đã nghỉ được 90 ngày, nếu hoàn cảnh gia đình có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ mà tự nguyện trở lại làm việc và được cơ quan, xí nghiệp bố trí làm việc thì sẽ hưởng theo chế độ tiền lương, quỹ bảo hiểm xã hội đình trợ cấp kể từ ngày bắt đầu làm việc.

4. Giải quyết thời gian nghỉ bù đối với nữ công nhân viên chức sinh con từ ngày 24-12-1984 trở lại đây:

— Nữ công nhân, viên chức thuộc diện nghỉ đẻ thời gian 180 ngày hiện đang trong thời gian nghỉ đẻ theo quy định tại quyết định số 7-HĐBT ngày 15-1-1983 của Hội đồng Bộ trưởng, hoặc đã nghỉ hết thời gian nghỉ đẻ theo quyết định số 7-HĐBT nhưng hiện đang nghỉ thêm từ 1 tháng đến 3 tháng sau khi đẻ theo quy định tại quyết định số 92-HĐBT ngày 29-6-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, thì được giải quyết chuyển sang chế độ nghỉ đẻ theo quy định mới.

Những người sau khi đã nghỉ hết thời gian nghỉ đẻ (kể cả thời gian được nghỉ thêm sau khi đẻ) hiện đã trở lại làm việc bình thường thì được tiếp tục nghỉ thêm cho tới khi con đủ 165 ngày tuổi.

— Nữ công nhân, viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ thời gian 75 ngày quy định tại điểm 3, phần A trong thông tư này, trước đây thuộc diện ưu đãi nghỉ đẻ các mức 90 ngày, 105 ngày quy định tại quyết định số 7-HĐBT ngày 15-1-1983 của Hội đồng Bộ trưởng, nếu đã nghỉ theo các mức quy định đó, thì không phải tính lại—kể từ ngày đơn vị cơ sở được phổ biến chế độ nghỉ đẻ mới.

## 5. Giải quyết trợ cấp chênh lệch.

— Công nhân, viên chức trong thời gian được nghỉ bù theo quy định trên, được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội bằng 100% tiền lương cộng các khoản phụ cấp thường

xuyên quy định tại điểm 4, phần I trong thông tư này. Nhưng nếu đã hưởng chế độ tiền lương thì không được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

— Nữ công nhân, viên chức đã nghỉ hoặc đang nghỉ thêm sau khi đẻ theo quy định tại quyết định số 92-HĐBT, nếu đã được trợ cấp hoặc chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội bằng mức tiền lương tối thiểu là 165 đồng/tháng quy định tại thông tư số 1-TCD ngày 1-9-1984 của Tổng Công đoàn Việt Nam, thì được cấp bù khoản tiền chênh lệch so với mức tiền lương cộng với các khoản phụ cấp, trợ cấp ổn định, thường xuyên của bản thân được xếp trước khi đó.

### C. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quyết định số 121-HĐBT ngày 19-4-1985 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24-12-1984 (ngày Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị quyết số 176a-HĐBT) và thay thế điều 1 của quyết định số 7-HĐBT ngày 15-1-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung chế độ thai sản đối với nữ công nhân viên chức Nhà nước. Bãi bỏ toàn bộ quyết định số 92-HĐBT ngày 29-6-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ nghỉ thêm sau khi đẻ đối với nữ công nhân viên chức Nhà nước.

Thông tư này thay thế phần II của thông tư số 21-TCD ngày 12-3-1983 của Tổng công đoàn Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành quyết định số 7-HĐBT và thay thế quy

định về cách tính số con đẻ xét hưởng chế độ thai sản trong công văn số 485-BHXH/TCD ngày 19-5-1983 của Tổng công đoàn Việt Nam. Bãi bỏ thông tư số 1-TCD ngày 1-9-1984 của Tổng công đoàn Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành chế độ nghỉ thêm sau khi đẻ đối với nữ công nhân, viên chức Nhà nước.

Yêu cầu các ngành, các cấp chính quyền các liên hiệp công đoàn tỉnh, thành phố, đặc khu tổ chức thực hiện, phổ biến kịp thời mục đích, nội dung quyết định số 121-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và những quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong thông tư này đối với công nhân, viên chức. Phải làm cho mọi người hiểu rõ chế độ nghỉ đẻ mới là thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước và là cố gắng rất lớn trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn; đề mọi công nhân viên chức nhận thức, xác định rõ nghĩa vụ trong việc thực hiện mục tiêu mỗi gia đình có một hoặc hai con theo chỉ thị số 29-HĐBT ngày 12-8-1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, trở ngại thì kịp thời phản ánh về Tổng công đoàn Việt Nam để nghiên cứu hướng dẫn thêm.

T.M. Ban thư ký Tổng công  
đoàn Việt Nam  
Ủy viên  
HOANG TỈNH